



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ I/2016**

THÁNG 4/2016



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý VND	Số đầu quý VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.878.197.472.807	727.572.437.118
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.460.862.209.174	514.591.242.289
Tiền	111	V.1	7.212.209.174	4.841.242.289
Các khoản tương đương tiền	112		1.453.650.000.000	509.750.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		303.650.000.000	177.450.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	303.650.000.000	177.450.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		112.924.249.868	33.293.022.648
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.383.899.886	1.881.718.644
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.131.238.248	2.229.119.997
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		100.000.000.000	25.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.409.111.734	3.582.184.007
Hàng tồn kho	140		535.211.871	500.379.018
Hàng tồn kho	141	V.5	535.211.871	500.379.018
Tài sản ngắn hạn khác	150		225.801.894	1.737.793.163
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		219.777.844	193.279.152
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		6.024.050	1.544.514.011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý VND	Số đầu quý VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		9.376.802.972.941	8.903.656.426.880
Các khoản phải thu dài hạn	210		235.004.000.000	272.004.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		235.000.000.000	272.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4	4.000.000	4.000.000
Tài sản cố định	220		47.027.529.344	48.485.035.169
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	18.207.367.668	19.609.625.364
Nguyên giá	222		50.017.001.242	50.017.001.242
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.809.633.574)	(30.407.375.878)
Tài sản cố định vô hình	227	V.7	28.820.161.676	28.875.409.805
Nguyên giá	228		31.110.496.640	31.110.496.640
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.290.334.964)	(2.235.086.835)
Bất động sản đầu tư	230	V.8	237.335.324.344	240.923.131.255
Nguyên giá	231		291.858.675.266	291.858.675.266
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(54.523.350.922)	(50.935.544.011)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.851.890.986.261	8.336.643.654.496
Đầu tư vào công ty con	251	V.2	9.042.180.542.633	8.534.660.542.633
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	5.730.000.000	5.730.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	700.000.000	700.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(196.719.556.372)	(204.446.888.137)
Tài sản dài hạn khác	260		5.545.132.992	5.600.605.960
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	5.545.132.992	5.600.605.960
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.255.000.445.748	9.631.228.863.998

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý VND	Số đầu quý VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		249.902.626.621	210.778.630.594
Nợ ngắn hạn	310		249.902.626.621	210.778.630.594
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	696.616.979	998.098.414
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	542.280.059	27.162.332
Phải trả người lao động	314		579.882.651	868.719.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.793.587.072	2.464.378.865
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		246.290.259.860	206.420.271.483
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		11.005.097.819.127	9.420.450.233.404
Vốn chủ sở hữu	410	V.13	11.005.097.819.127	9.420.450.233.404
Vốn cổ phần	411		7.329.514.190.000	7.329.514.190.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.329.514.190.000	7.329.514.190.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		674.149.437.068	674.149.437.068
Cổ phiếu quỹ	415		(712.000.000)	(638.500.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		300.416.193.231	300.416.193.231
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.701.729.998.828	1.117.008.913.105
LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.069.259.463.838	459.474.472.017
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.632.470.534.990	657.534.441.088
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11.255.000.445.748	9.631.228.863.998

Người lập biểu



Đinh Phương Loan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Kim Oanh

Hưng Yên ngày 29 tháng 4 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Dương



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm nay VND	Quý 1 năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.669.600.000	6.447.021.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6.669.600.000	6.447.021.000
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.240.338.202	3.240.338.202
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		3.429.261.798	3.206.682.798
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.630.981.477.371	662.135.217.091
Chi phí tài chính	22	VI.4	(7.727.331.765)	52.407.920
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	52.407.920
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	9.274.948.096	8.457.576.444
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		1.632.863.122.838	656.831.915.525
Thu nhập khác	31	VI.5	1.490.044.203	1.353.866.808
Chi phí khác	32	VI.6	112.439.760	162.516.993
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.377.604.443	1.191.349.815
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.634.240.727.281	658.023.265.340
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.770.192.291	488.824.252
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.632.470.534.990	657.534.441.088

Người lập biểu

Đinh Phương Loan

Kế toán trưởng

Phạm Thị Kim Oanh

Hưng Yên, ngày 29 tháng 9 năm 2016

Tổng Giám đốc

Trần Tuấn Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		1.634.240.727.281	658.023.265.340
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.045.312.736	4.727.783.620
Các khoản dự phòng	03	(7.727.331.765)		-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.630.981.477.371)	(662.135.217.091)
Chi phí lãi vay	06		-	52.407.920
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		577.230.881	668.239.789
Biến động các khoản phải thu	09		(1.015.601.426)	(51.963.891.475)
Biến động hàng tồn kho	10		(34.832.853)	(133.071.221)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(1.163.750.759)	(3.266.381.744)
Biến động chi phí trả trước	12		55.472.968	(2.717.386.192)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.772.249.935)	(12.902.772.824)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(9.353.731.124)	(70.315.263.667)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		-	(1.201.507.091)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(445.350.000.000)	(187.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		281.750.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(507.520.000.000)	(50.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.626.744.698.009	163.327.231.207
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		955.624.698.009	(74.874.275.884)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	79.010.997.843
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(79.010.997.843)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(8.778.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		-	(8.778.000)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 03a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		946.270.966.885	(145.198.317.551)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		514.591.242.289	298.740.078.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	1.460.862.209.174	153.541.761.354

Người lập biểu

Đinh Phương Loan

Kế toán trưởng

Phạm Thị Kim Oanh

Hưng Yên, ngày 29 tháng 4 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

2. Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng và
- Đầu tư tài chính

3. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

4. Cấu trúc Công ty

• Danh sách các công ty con

	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
1 Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,72%	99,72%
2 Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát Địa chỉ: Đường B4, khu B, KCN Phố Nối A, Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên	99,60%	99,60%
3 Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,94%	99,94%
4 Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát Địa chỉ: Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	99,67%	99,67%
5 Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,67%	99,67%
6 Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,83%	99,83%
7 Công ty CP Thép Hòa Phát Địa chỉ: Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	92%	92%
8 Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông Địa chỉ: Số 415, đường Trần Phú, P. Trần Phú, thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang	99,96%	99,96%
9 Công ty CP Golden Gain Việt Nam Khu NO3, Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, đường Hoàng Minh Giám P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TPHN	99,94%	99,94%
10 Công ty CP Năng lượng Hòa Phát Địa chỉ: Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	99,89%	99,89%
11 Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát Địa chỉ: KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt nam	100,00%	100,00%
12 Công ty CP Phát triển chăn nuôi Hòa Phát Địa chỉ: KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt nam	99,80%	99,80%
13 Công ty TNHH Một thành viên khoáng sản Nam Giang	100,00%	100,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
<ul style="list-style-type: none"> Danh sách các công ty con 		
Địa chỉ: Thôn Dung, thị trấn Thanh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam		
14 Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	98,42%	98,42%
Địa chỉ: số 02 đường Vũ Quang, phường Trần Phú, TP Hà Tĩnh		
15 Công ty TNHH MTV TM và SX thức ăn chăn nuôi Hòa Phát	100,00%	100,00%
Địa chỉ: Đường A2, Khu A, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam		
16 Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai	100,00%	100,00%
Địa chỉ: Lô F, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		
17 Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	72,72%	72,72%
Địa chỉ: Tiểu thu Hữu Nghị, thị trấn nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam		
18 Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	99,99%	99,99%
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam		
<ul style="list-style-type: none"> Danh sách các công ty liên doanh, liên kết 		
Công ty Cổ phần khai khoáng Hòa phát- SSG	38,00%	38,00%
Địa chỉ: Tổ 3- Phường Trần Hưng Đạo- TP Kon Tum- Tỉnh Kon Tum		
<ul style="list-style-type: none"> Danh sách các đơn vị trực thuộc 		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Hà Nội		
Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại TP Hồ Chí Minh		
Địa chỉ: 643 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Đà Nẵng		
Địa chỉ: 171 Trường Chinh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng		
II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán		
1. Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.		
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”).		
III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng		
1. Chế độ kế toán áp dụng		
Công ty áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.		
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán		
Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý.		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các khoản mục tài sản có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản mục nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(b) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

- Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.
- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kế khai thường xuyên
- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- *Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):* Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- *Phương pháp khấu hao tài sản cố định (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):* Khấu hao được tính theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng dựa trên thời gian thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- *Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:* Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.
- *Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:* Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Trong báo cáo riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi nhận vào nguyên giá các tài sản này.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- *Cổ phiếu phổ thông*: Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.
- *Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ*: Khi thu lại cổ phiếu thưởng cho nhân viên đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của số cổ phiếu này được ghi tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã thu lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- *Doanh thu cho thuê*: Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.
- *Thu nhập từ tiền lãi*: Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.
- *Thu nhập từ cổ tức*: Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn



Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/03/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền mặt	239.533.027	152.060.239
Tiền gửi ngân hàng	6.972.676.147	4.689.182.050
Cộng	7.212.209.174	4.841.242.289

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	303.650.000.000	303.650.000.000	177.450.000.000	177.450.000.000
	303.650.000.000	303.650.000.000	177.450.000.000	177.450.000.000

Mẫu B.09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
• Công ty con	9.042.180.542.633	(196.719.556.372)	8.740.940.986.261	8.534.660.542.633
• Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	179.500.000.000	-	179.500.000.000	179.500.000.000
• Công ty CP Nội thất Hòa Phát	398.400.000.000	-	398.400.000.000	398.400.000.000
• Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát	799.500.000.000	-	799.500.000.000	549.500.000.000
• Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	149.500.000.000	-	149.500.000.000	149.500.000.000
• Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	299.000.000.000	-	299.000.000.000	299.000.000.000
• Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	299.500.000.000	-	299.500.000.000	299.500.000.000
• Công ty CP Thép Hòa Phát	2.331.937.200.000	-	2.331.937.200.000	2.331.937.200.000
• Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	845.030.800.000	(196.719.556.372)	648.311.243.628	845.030.800.000
• Công ty CP Golden Gain Việt Nam	960.539.226.533	-	960.539.226.533	960.539.226.533
• Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	1.238.350.000.000	-	1.238.350.000.000	1.238.350.000.000
• Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	600.000.000.000	-	600.000.000.000	600.000.000.000
• Công ty TNHH MTV Khoáng sản Nam Giang	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000
• Công ty CP Phát triển chăn nuôi Hòa Phát	340.140.000.000	-	340.140.000.000	190.140.000.000
• Công ty TNHH Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	98.420.000.000	-	98.420.000.000	98.420.000.000
• Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát	300.000.000.000	-	300.000.000.000	300.000.000.000
• Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đông Nai	67.843.316.100	-	67.843.316.100	64.843.316.100
• Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	83.500.000.000	-	83.500.000.000	-
• Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	21.020.000.000	-	21.020.000.000	-
• Công ty liên kết	5.730.000.000	-	5.730.000.000	5.730.000.000
• Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG				
• Đơn vị khác	700.000.000	-	700.000.000	700.000.000
• Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội				



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. Phải thu của khách hàng

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Phải thu của khách hàng	267.703.553	-	251.069.714	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	2.116.196.333	-	1.630.648.930	-
Cộng ngắn hạn	2.383.899.886	-	1.881.718.644	-

4. Phải thu khác

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác – ngắn hạn				
Lãi phải thu	7.174.588.647	-	3.334.378.730	-
Phải thu khác	234.523.087	-	247.805.277	-
Cộng ngắn hạn	7.409.111.734	-	3.582.184.007	-
Phải thu khác – dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	4.000.000	-	4.000.000	-
Cộng ngắn hạn	4.000.000	-	4.000.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. Hàng tồn kho

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	131.105.114	-	96.272.261	-
Hàng hóa	404.106.757	-	404.106.757	-
Cộng	535.211.871	-	500.379.018	-

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 31/12/2015	4.461.631.355	27.962.665.268	17.592.704.619	50.017.001.242
Số dư tại ngày 31/03/2016	4.461.631.355	27.962.665.268	17.592.704.619	50.017.001.242
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 31/12/2015	1.135.630.938	16.798.270.369	12.473.474.571	30.407.375.878
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>199.745.121</i>	<i>717.656.292</i>	<i>484.856.283</i>	<i>1.402.257.696</i>
Số dư tại ngày 31/03/2016	1.335.376.059	17.515.926.661	12.958.330.854	31.809.633.574
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/2015	3.326.000.417	11.164.394.899	5.119.230.048	19.609.625.364
Tại ngày 31/03/2016	3.126.255.296	10.446.738.607	4.634.373.765	18.207.367.668

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 31/12/2015	28.755.408.500	2.355.088.140	31.110.496.640
Số dư tại ngày 31/03/2016	28.755.408.500	2.355.088.140	28.755.408.500
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 31/12/2015	-	2.235.086.835	2.235.086.835
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	<i>55.248.129</i>	<i>55.248.129</i>
Số dư tại ngày 31/03/2016	-	2.290.334.964	2.290.334.964
Giá trị còn lại			
Tại ngày 31/12/2015	28.755.408.500	120.001.305	28.875.409.805
Tại ngày 31/03/2016	28.755.408.500	64.753.176	28.820.161.676

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư ngày 31/12/2015	291.858.675.266
Tăng trong kỳ	-
Số dư ngày 31/03/2016	<u>291.858.675.266</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư ngày 31/12/2015	50.935.544.011
Khấu hao trong kỳ	3.587.806.911
Số dư ngày 31/03/2016	<u>54.523.350.922</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 31/12/2015	240.923.131.255
Tại ngày 31/03/2016	<u>237.335.324.344</u>

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.588.412.300	2.519.693.804	492.499.856	5.600.605.960
Tăng trong kỳ	-	66.262.536	907.275.455	973.537.991
Phân bổ trong kỳ	(310.091.479)	(525.590.894)	(193.328.585)	(1.029.010.959)
Số dư cuối kỳ	2.278.320.821	2.060.365.446	1.206.446.726	5.545.132.992

10. Phải trả người bán

	31/03/2016 VND	31/12/2015 VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	696.616.979	998.098.414
Cộng	<u>696.616.979</u>	<u>998.098.414</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu quý	Số phải nộp trong quý	Số đã thực nộp trong quý/Bù trừ số thuế nộp thừa	Cuối quý
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.770.192.291	1.533.144.837	237.047.454
Thuế thu nhập cá nhân	27.162.332	366.663.690	88.593.417	305.232.605
Cộng	27.162.332	2.136.855.981	1.621.738.254	542.280.059

12. Phải trả khác

	31/03/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Phải trả cổ tức	976.185.000	933.556.000
Các khoản phải trả khác	817.402.072	1.530.822.865
Cộng	1.793.587.072	2.464.378.865

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Cổ phiếu quỹ		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 30/09/2015	7.329.514.190.000	674.149.437.068	674.149.437.068	564.716.509.219	210.868.755.750	338.500.000	8.778.910.392.037	-	-	679.339.841.367	-	679.339.841.367
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	300.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Thu hồi cổ phiếu thưởng của nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(89.547.437.481)	89.547.437.481	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(37.800.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	(37.800.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	7.329.514.190.000	674.149.437.068	674.149.437.068	1.117.008.913.105	300.416.193.231	(638.500.000)	9.420.450.233.404	300.416.193.231	(638.500.000)	1.632.470.534.990	-	1.632.470.534.990
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.632.470.534.990	-	-	-	-	-	-	-	-
Thu hồi cổ phiếu thưởng của nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	-	73.500.000	-	-	-	-	-	(73.500.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(47.762.949.267)	-	-	-	-	-	-	-	(47.762.949.267)
Thù lao thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	(60.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	(60.000.000)
Tại ngày 31/03/2016	7.329.514.190.000	674.149.437.068	674.149.437.068	2.701.729.998.828	300.416.193.231	(712.000.000)	11.005.097.819.127	300.416.193.231	(712.000.000)	11.005.097.819.127	-	11.005.097.819.127



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	7.329.514.190.000	4.819.081.750.000
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	-	1.465.851.380.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	-	67.350.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	977.231.060.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	7.329.514.190.000	7.329.514.190.000

c. Cổ phiếu

	31/03/2016 Cổ phiếu	31/12/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	732.951.419	732.951.419
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	732.951.419	732.951.419
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu thu hồi làm cổ phiếu quỹ	-71.200	-63.850
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	732.880.219	732.887.569
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/03/2016 VND	31/12/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	300.416.193.231	300.416.193.231



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.669.600.000	6.447.021.000
Cộng	6.669.600.000	6.447.021.000

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.240.338.202	3.240.338.202
Cộng	3.240.338.202	3.240.338.202

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.248.257.666	5.593.391.083
Lợi nhuận công ty con chuyển về	1.618.732.207.205	656.541.826.008
Doanh thu tài chính khác	1.012.500	-
Cộng	1.630.984.477.371	662.135.217.091

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND
Chi phí lãi vay	-	52.407.920
Dự phòng đầu tư tài chính	(7.727.331.765)	-
Cộng	(7.727.331.765)	52.407.920



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND
Thu từ cho thuê tài sản	440.160.000	551.160.000
Thu từ bán điện nước, cung cấp dịch vụ	974.597.817	802.706.808
Thu nhập khác	75.286.386	-
Cộng	1.490.044.203	1.353.866.808

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND
Giá trị khấu hao TSCĐ cho thuê	112.439.760	162.502.284
Chi phí khác	-	14.709
Cộng	112.439.760	162.516.993

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND
Chi phí nhân viên	2.303.168.914	2.043.691.771
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.269.726.441	902.134.801
Chi phí khác	5.702.052.741	5.511.749.872
Cộng	9.274.948.096	8.457.576.444



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn



Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

VII. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Bên liên quan	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015 VND
Bán hàng	Công ty con	8.030.170.919	7.737.824.263
Cho vay	Công ty con	100.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc vay	Công ty con	62.600.000.000	100.000.000.000
Góp vốn	Công ty con	507.520.000.000	50.000.000.000
Lợi nhuận chuyển về	Công ty con	1.618.732.207.205	656.541.826.008

VIII. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG TRƯỜNG HỢP BIẾN ĐỘNG TỪ 10% TRỞ LÊN

Lợi nhuận sau thuế quý 1/2016 của Công ty là 1.632 tỷ đồng tăng 148% so với kết quả kinh doanh cùng kỳ năm 2015 (quý 1/2015 là 657 tỷ đồng) do:

- Quý 1 năm 2016, tổng lợi nhuận công ty con chuyển về là 1.618 tỷ đồng tăng 147% so với cùng kỳ năm 2015 (656 tỷ đồng).

Người lập biểu

Đinh Phương Loan

Kế toán trưởng

Phạm Thị Kim Oanh

Hưng Yên, ngày 19 tháng 9 năm 2016
Tổng Giám đốc



Trần Luân Dương

